

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON TỔNG HỢP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 19



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103010296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14/06/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 20/5/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Lê Việt	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Yên	Ủy viên
	Ông Đỗ Quốc Trung	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Thiện Ái	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đoàn	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Lê Việt	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Yên	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

PHÓ GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN VĂN ĐOÀN

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**Nguyễn Thiện Ái**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010*

Số. **93** /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**  
**Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010

**Đình Văn Thắng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

OOC  
BTV  
NH  
ĐÁ  
AM  
P. HP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>143.868.352.023</b>	<b>118.770.954.874</b>
<b>I- Tiền</b>	<b>110</b>		<b>43.244.062.601</b>	<b>18.576.788.038</b>
1. Tiền	111	5.1	33.244.062.601	18.576.788.038
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	10.000.000.000	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.831.116.401</b>	<b>21.760.115.225</b>
1. Phải thu khách hàng	131		38.842.455.063	16.051.928.862
2. Trả trước cho người bán	132		13.961.161.338	5.691.605.408
4. Các khoản phải thu khác	135		27.500.000	16.580.955
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>47.716.079.526</b>	<b>78.117.551.611</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.2	47.716.079.526	78.117.551.611
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.093.495</b>	<b>316.500.000</b>
Thuê và các khoản khác phải thu Nhà			4.065.495	-
3. nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		73.028.000	316.500.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>16.037.198.078</b>	<b>14.836.295.163</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.671.566.202</b>	<b>14.484.381.137</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	13.030.457.894	11.723.222.451
- Nguyên giá	222		51.807.530.035	46.623.956.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.777.072.141)	(34.900.734.036)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.3	2.641.108.308	2.761.158.686
- Nguyên giá	228		2.761.158.686	2.761.158.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.050.378)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20.000.000	20.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>345.631.876</b>	<b>331.914.026</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	345.631.876	331.914.026
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>159.905.550.101</b>	<b>133.607.250.037</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>47.090.973.829</b>	<b>44.816.482.454</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.336.131.916</b>	<b>44.339.422.418</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.6	24.781.390.356	30.189.081.286
2. Phải trả người bán	312		168.740.308	138.125.883
3. Người mua trả tiền trước	313		292.010.716	30.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	5.783.785.506	1.096.325.815
5. Phải trả người lao động	315		6.586.094.866	6.602.738.643
6. Chi phí phải trả	316	5.8	7.394.126.861	5.359.295.284
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.329.983.303	923.855.507
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>754.841.913</b>	<b>477.060.036</b>
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		754.841.913	477.060.036
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>112.814.576.272</b>	<b>88.790.767.583</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>112.556.385.311</b>	<b>87.963.126.481</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.9	83.270.860.000	80.943.490.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.9	148.819.981	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.9	1.096.563.881	496.902.299
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.9	1.216.954.509	617.292.927
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.9	26.823.186.940	5.905.441.255
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>258.190.961</b>	<b>827.641.102</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		258.190.961	827.641.102
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>159.905.550.101</b>	<b>133.607.250.037</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Trần Thị Mến

Trần Thế Giang

Nguyễn Thiện Ái

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.10	509.705.341.466	392.926.117.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		509.705.341.466	392.926.117.231
4. Giá vốn hàng bán	11	5.11	426.817.374.851	343.150.976.154
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>82.887.966.615</b>	<b>49.775.141.077</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.12	1.245.306.282	148.951.019
7. Chi phí tài chính	22	5.13	743.037.883	2.558.115.179
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		743.037.883	2.558.115.179
8. Chi phí bán hàng	24		5.460.345.248	5.443.021.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.14	33.138.392.901	27.092.507.700
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>44.791.496.865</b>	<b>14.830.447.964</b>
11. Thu nhập khác	31		6.228.400	1.969.503.609
12. Chi phí khác	32		-	32.857.454
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>6.228.400</b>	<b>1.936.646.155</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>44.797.725.265</b>	<b>16.767.094.119</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	5.599.715.658	2.332.016.319
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>39.198.009.607</b>	<b>14.435.077.800</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.16	4.748	2.477

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Trần Thị Mến*

*Trần Thế Giang*



Trần Thị Mến

Trần Thế Giang

Nguyễn Thiện Ái



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009	Năm 2008
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	44.797.725.265	16.767.094.119
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.082.569.483	4.575.150.359
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(6.054.377)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.245.306.282)	(148.951.019)
- Chi phí lãi vay	06	743.037.883	2.558.115.179
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.378.026.349	23.745.354.261
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(30.831.594.671)	8.516.653.738
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	30.401.472.085	(24.228.964.100)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.083.332.830)	3.207.192.672
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(13.717.850)	827.918.856
- Tiền lãi vay đã trả	13	(743.037.883)	(2.534.363.486)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	119.498.899	(1.609.876.739)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	168.693.132	32.857.454
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.169.111.723)	(691.393.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.226.895.508	7.265.378.848
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.269.754.548)	(1.766.406.924)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.245.306.282	148.951.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.024.448.266)	(1.517.455.905)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	93.973.305.235	135.806.213.832
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.380.996.165)	(132.237.255.593)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.153.909.176)	(8.529.641.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.561.600.106)	(4.960.683.060)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	24.640.847.136	787.239.883
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.576.788.038	17.783.493.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.427.427	6.054.377
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	43.244.062.601	18.576.788.038

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Trần Thị Mến*

*Trần Thế Giang*



Trần Thị Mến

Trần Thế Giang

Nguyễn Thiện Ái

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103010296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/5/2009. Vốn điều lệ của Công ty là 83.270.860.000 đồng. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam	3.247.246	32.472.460.000	39%
Các cổ đông khác	5.079.840	50.798.400.000	61%
<b>Cộng</b>	<b>8.327.086</b>	<b>83.270.860.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân năm 2009: 380 người

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: Sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị liên quan đến ngành sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt;
- Nghiên cứu, chuyên giao công nghệ, tư vấn, gia công, dịch vụ kỹ thuật liên quan đến ngành sơn, mực in, vecny và chất phủ bề mặt.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: Sơn, vecny và chất phủ bề mặt.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2009.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

30  
- TỶ  
AN  
' O,  
NA  
- TP

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

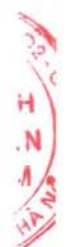
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và phương pháp nhập trước xuất trước (đối với các vật tư xuất ít hơn nhập trong quý).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 10
Dụng cụ quản lý, TSCĐ khác	03 - 65

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình là giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất mở rộng nhà máy sản xuất sơn với diện tích 9.504 m<sup>2</sup> đất. Theo Hợp đồng thuê đất số 35-2002/ĐCND – HĐĐTĐTN ngày 21/5/2002 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội, thời gian thuê đất là 30 năm. Công ty trích khấu hao 23 năm kể từ năm 2009.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 năm.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định và theo thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm (kể từ năm 2006) và giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 3 năm tài chính tiếp theo (kể từ năm 2008).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	1.184.161.078	1.512.850.197
Tiền gửi ngân hàng	32.059.901.523	17.063.937.841
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>43.244.062.601</b>	<b>18.576.788.038</b>

**5.2. Hàng tồn kho**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.475.444.731	56.421.443.944
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	500.016.664	548.651.070
Thành phẩm	12.740.618.131	21.147.456.597
<b>Tổng</b>	<b>47.716.079.526</b>	<b>78.117.551.611</b>

**5.3. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2009 là giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất mở rộng nhà máy sản xuất sơn với diện tích 9.504 m<sup>2</sup> đất. Theo Hợp đồng thuê đất số 35-2002/ĐCND - HĐĐTN ngày 21/5/2002 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội, thời gian thuê đất là 30 năm. Công ty trích khấu hao 23 năm kể từ năm 2009.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.4. Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	11.073.644.904	28.194.347.582	5.151.360.763	2.204.603.238	46.623.956.487
Tăng trong năm	1.150.009.000	3.237.134.298	831.574.886	51.036.364	5.269.754.548
Mua trong năm	1.150.009.000	3.237.134.298	831.574.886	51.036.364	5.269.754.548
Giảm trong năm	86.181.000	-	-	-	86.181.000
Thanh lý, nhượng bán	86.181.000	-	-	-	86.181.000
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>12.137.472.904</b>	<b>31.431.481.880</b>	<b>5.982.935.649</b>	<b>2.255.639.602</b>	<b>51.807.530.035</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	7.733.830.356	21.527.468.933	3.726.558.672	1.912.876.075	34.900.734.036
Tăng trong năm	816.516.372	2.429.365.401	570.316.088	146.321.244	3.962.519.105
Khấu hao trong năm	816.516.372	2.429.365.401	570.316.088	146.321.244	3.962.519.105
Giảm trong năm	86.181.000	-	-	-	86.181.000
Thanh lý, nhượng bán	86.181.000	-	-	-	86.181.000
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>8.464.165.728</b>	<b>23.956.834.334</b>	<b>4.296.874.760</b>	<b>2.059.197.319</b>	<b>38.777.072.141</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2009	3.339.814.548	6.666.878.649	1.424.802.091	291.727.163	11.723.222.451
Tại 31/12/2009	3.673.307.176	7.474.647.546	1.686.060.889	196.442.283	13.030.457.894

Trong đó:

*Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.522.283.269 đồng.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.5. Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 1 tháng 1	331.914.026	1.159.832.882
Tăng	294.700.014	366.223.029
Phân bổ vào chi phí trong năm	280.982.164	1.194.141.885
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>345.631.876</b>	<b>331.914.026</b>
<b>Chi tiết theo khoản mục chi phí</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	201.631.876	159.266.026
Chi phí thuê văn phòng TP. HCM chờ phân bổ	144.000.000	172.648.000
	<b>345.631.876</b>	<b>331.914.026</b>

**5.6. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	24.781.390.356	30.189.081.286
- Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Đa	15.603.258.799	3.977.020.584
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	6.381.986.774	22.980.522.799
- Các đối tượng khác	2.796.144.783	3.231.537.903
<b>Tổng</b>	<b>24.781.390.356</b>	<b>30.189.081.286</b>

Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng hạn mức số 01/2009/HĐTD/HHĐĐ ngày 3/4/2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ, thời gian duy trì hạn mức từ 2/4/2009 đến 3/4/2010, lãi suất 10,5% (được hỗ trợ lãi suất 4% đến hết ngày 31/12/2009), lãi suất quá hạn là 50% so với lãi suất trong hạn, mục đích vay thanh toán chi phí mua vật tư sản xuất, không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức số số KHSTH090366/HM ngày 26/11/2009, hạn mức tín dụng 70 tỷ, lãi suất cho vay 10,5% đối với đồng Việt Nam và 6% đối với USD, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn lưu động, không có tài sản đảm bảo.

**5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	209.854.631	71.300.868
Thuế xuất, nhập khẩu	-	931.310.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.573.930.875	93.714.116
<b>Tổng</b>	<b>5.783.785.506</b>	<b>1.096.325.815</b>

**5.8. Chi phí phải trả**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí Chuyển giao công nghệ	7.059.126.861	4.935.740.826
Chi phí phải trả khác	335.000.000	423.554.458
<b>Tổng</b>	<b>7.394.126.861</b>	<b>5.359.295.284</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**5.9. Vốn chủ sở hữu**

**a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>48.613.880.000</b>	<b>20.017.480.000</b>	-	-	<b>120.390.628</b>	<b>13.802.841.649</b>	<b>82.554.592.277</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>32.329.610.000</b>	-	-	<b>496.902.299</b>	<b>496.902.299</b>	<b>14.435.077.800</b>	<b>47.758.492.398</b>
Tăng từ lợi nhuận	12.312.130.000	-	-	496.902.299	496.902.299	-	13.305.934.598
Chia cổ phiếu thưởng	20.017.480.000	-	-	-	-	-	20.017.480.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	14.435.077.800	14.435.077.800
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>20.017.480.000</b>	-	-	-	<b>22.332.478.194</b>	<b>42.349.958.194</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.490.706.897	1.490.706.897
Chia cổ tức tăng vốn	-	-	-	-	-	12.312.130.000	12.312.130.000
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	8.529.641.297	8.529.641.297
Chia cổ phiếu thưởng	-	20.017.480.000	-	-	-	-	20.017.480.000
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>80.943.490.000</b>	-	-	<b>496.902.299</b>	<b>617.292.927</b>	<b>5.905.441.255</b>	<b>87.963.126.481</b>
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>80.943.490.000</b>	-	-	<b>496.902.299</b>	<b>617.292.927</b>	<b>5.905.441.255</b>	<b>87.963.126.481</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>2.327.370.000</b>	-	<b>148.819.981</b>	<b>599.661.582</b>	<b>599.661.582</b>	<b>39.198.009.607</b>	<b>42.873.522.752</b>
Tăng từ lợi nhuận	2.327.370.000	-	-	599.661.582	599.661.582	-	3.526.693.164
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	39.198.009.607	39.198.009.607
Tăng khác	-	-	148.819.981	-	-	-	148.819.981
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	<b>18.280.263.922</b>	<b>18.280.263.922</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	4.126.354.746	4.126.354.746
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	14.153.909.176	14.153.909.176
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>83.270.860.000</b>	-	<b>148.819.981</b>	<b>1.096.563.881</b>	<b>1.216.954.509</b>	<b>26.823.186.940</b>	<b>112.556.385.311</b>



**5.9. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam	32.472.460.000	31.564.880.000
Vốn góp của đối tượng khác	50.798.400.000	49.378.610.000
<b>Tổng</b>	<b>83.270.860.000</b>	<b>80.943.490.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.943.490.000	48.613.880.000
Vốn góp tăng trong năm	2.327.370.000	32.329.610.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	83.270.860.000	80.943.490.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>14.153.909.176</b>	<b>8.529.641.297</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2009	Năm 2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán</b>	<b>8.327.086</b>	<b>8.094.349</b>
Cổ phiếu phổ thông	8.327.086	8.094.349
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>8.327.086</b>	<b>8.094.349</b>
Cổ phiếu phổ thông	8.327.086	8.094.349
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phiếu.

**5.10. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	508.868.207.009	392.851.889.231
Doanh thu cung cấp dịch vụ	837.134.457	74.228.000
<b>Tổng</b>	<b>509.705.341.466</b>	<b>392.926.117.231</b>

**5.11. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	426.081.972.627	343.082.656.698
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	735.402.224	68.319.456
<b>Tổng</b>	<b>426.817.374.851</b>	<b>343.150.976.154</b>

**5.12. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.245.306.282	148.951.019
<b>Tổng</b>	<b>1.245.306.282</b>	<b>148.951.019</b>

**5.13. Chi phí tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	743.037.883	2.558.115.179
<b>Tổng</b>	<b>743.037.883</b>	<b>2.558.115.179</b>

**5.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	990.073.749	798.368.854
Chi phí nhân công	14.182.525.691	10.133.899.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	999.496.548	1.119.863.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.357.687.466	11.549.058.457
Chi phí khác bằng tiền	3.608.609.447	3.491.317.058
<b>Tổng</b>	<b>33.138.392.901</b>	<b>27.092.507.700</b>

**5.15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>44.797.725.265</b>	<b>16.767.094.119</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	109.834.700
Tổng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>44.797.725.265</b>	<b>16.657.259.419</b>
Thuế suất hiện hành	25%	28%
Tỷ lệ miễn giảm thuế	50%	50%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.599.715.658</b>	<b>2.332.016.319</b>
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.599.715.658</b>	<b>2.332.016.319</b>

**5.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2009	Năm 2008
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>39.198.009.607</b>	<b>14.435.077.800</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	109.834.700
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>39.198.009.607</b>	<b>14.325.243.100</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.255.033	5.784.379
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.748</b>	<b>2.477</b>

**5.17. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.044.662.940	329.936.686.950
Chi phí nhân công	38.150.409.083	28.754.510.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.082.569.483	4.575.150.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.668.604.038	14.753.969.440
Chi phí khác bằng tiền	8.536.776.573	6.899.903.884
<b>Tổng</b>	<b>458.483.022.117</b>	<b>384.920.221.008</b>



**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc	Tiền lương	1.006.825.800	294.525.000
	Tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác	719.453.700	590.729.992
<b>Tổng</b>		<b>1.726.279.500</b>	<b>885.254.992</b>

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Trần Thị Mến**

**Trần Thế Giang**

**Nguyễn Thiện Ái**